TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 303/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-6-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Minh
2. Ông Đỗ Thanh H.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* Ông Võ Hồng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2023/TB-TLVA ngày 31 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp "ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Chị Nguyễn Thị Ngọc A**, sinh năm 1997
Địa chỉ: ấp MN, xã MDT, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: **Anh Nguyễn Văn H**, sinh năm 1994
Địa chỉ: ấp LN, xã ML, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.
Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Tiền Giang (ấp N, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang)

(các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 27 tháng 02 năm 2023 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H cưới nhau và chung sống từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML huyện CB tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 18/10/2013, không có tài sản chung và nợ chung. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh H sử dụng ma túy về nhà ghen tuông bậy bạ, đánh đập và chủi mắng chị. Từ năm 2016, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột chị ở luôn cho đến nay nên vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó. Nay, chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu giải quyết cho chị ly hôn với anh H. Về con chung, chị yêu cầu giao cháu Tr cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, tại Đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chị A thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về con chung, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

* Tại Bản tự khai ngày 25 tháng 4 năm 2023, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc A chung sống từ năm 2013, đến năm 2015 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML huyện CB tỉnh Tiền Giang. Đến năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau cho đến nay, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay, về hôn nhân anh đồng ý ly hôn với chị A. Về con chung, anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tr sinh ngày 18/10/2013, anh đồng ý giao con cho chị A nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A và bị đơn anh Nguyễn Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã ML huyện CB tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 03/8/2015. Như vậy, chị A và anh H có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ các Điều 9 và 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn H là hợp pháp.

[3.1.2] Chị A yêu cầu ly hôn với anh H vì cho rằng vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2016 nguyên nhân do anh H sử dụng ma túy, vợ chồng thường xuyên cãi vả, chị và anh H đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Anh H đồng ý ly hôn vì nhận thấy vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn và không còn sống chung với nhau. Xét thấy, giữa chị A và anh H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nên quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A.

[3.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn H chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tr sinh ngày 18/10/2013. Hiện cháu Tr đang được chị A nuôi dưỡng. Chị A và anh H thống nhất giao cháu Tr cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, trong thời gian này, chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm lo về mọi mặt cho con. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt và sự phát triển bình thường của cháu và có xét đến nguyện vọng được ở với mẹ của cháu Tr, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Như nhận định trên, chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, có đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không đặt ra xem xét.

[4] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc A được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Tr sinh ngày 18/10/2013 cho chị Nguyễn Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Ngọc A đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0021523 ngày 27/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND h. CT - TG;
- THADS h.CT - TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Huỳnh Trúc